

Kính gửi: Các Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người nộp thuế
đóng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Ngày 12/03/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 20/2026/TT-BTC quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP. Thông tư này có hiệu lực từ ngày ban hành và áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025. Thuế tỉnh Sơn La trân trọng thông báo đến các cơ quan, ban ngành, người nộp thuế một số điểm mới của Thông tư số 20/2026/TT-BTC cụ thể như sau:

1. Quy định chi tiết về Hồ sơ chi phí được trừ

Thông tư số 20/2026/TT-BTC dành một phần lớn nội dung để quy định cụ thể các loại giấy tờ, chứng từ cần thiết để một khoản chi được công nhận là chi phí hợp lý tại Điều 3.

So với quy định trước đây tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC, quy định mới tại Điều 3 Thông tư 20/2026/TT-BTC bổ sung nhiều yêu cầu về hồ sơ chi phí được trừ, cụ thể:

1.1. Chi đào tạo và giáo dục nghề nghiệp

Phải có hợp đồng lao động/quy chế tài chính quy định rõ việc chi đào tạo; quyết định cử đi học; hồ sơ đăng ký và đặc biệt là văn bằng, chứng chỉ hoặc giấy xác nhận kết quả học tập.

1.2. Chi phí các khoản tài trợ

Đối với tài trợ giáo dục, y tế, khắc phục thiên tai... hồ sơ bắt buộc phải có Biên bản xác nhận khoản tài trợ theo Mẫu số 01/TNDN ban hành kèm theo Thông tư này.

1.3. Chi phí không tương ứng với doanh thu trong kỳ

Thông tư cho phép tính vào chi phí được trừ đối với một số trường hợp đặc thù như: chi phí đấu thầu nhưng không trúng thầu; chi phí nghiên cứu thị trường/sản phẩm mới nhưng không thành công; chi phí khấu hao tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê...

- Chi phí của bên tham gia dự thầu phải bỏ ra cho hoạt động tham gia đấu thầu nhưng không trúng thầu: Hồ sơ mời thầu, hồ sơ dự thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu (nếu có) và các tài liệu liên quan theo quy định về đấu thầu.

- Chi phí nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm, dịch vụ; chi phí đầu tư phát triển sản phẩm, dịch vụ mới nhưng không thành công hoặc dừng triển khai: Báo cáo nghiên cứu phát triển thị trường, sản phẩm, dịch vụ mới theo điểm i2 khoản 2 Điều 9 Nghị định 320/2025/NĐ-CP.

- Chi phí thuê đất và chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng tại các khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, cụm công nghiệp... trong trường hợp chưa tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh:

+ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương theo quy định của pháp luật về đầu tư (nếu có);

+ Văn bản thỏa thuận hoặc hợp đồng thuê đất, cơ sở hạ tầng, trong đó quy định rõ các khoản chi phí doanh nghiệp phải trả cho tiền thuê đất, chi phí quản lý, duy trì cơ sở hạ tầng.

- Chi phí khấu hao hoặc phân bổ chi phí đối với tài sản cho thuê trong thời gian chưa có khách thuê: Hồ sơ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản; hồ sơ quản lý, hạch toán tài sản.

- Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh; chi phí khôi phục sau tạm ngừng kinh doanh; chi phí hoàn trả hiện trạng khi giải thể hoặc chấm dứt hoạt động:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện, giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh, giấy xác nhận về việc doanh nghiệp, chi nhánh, địa điểm kinh doanh thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo hoặc giấy xác nhận về việc văn phòng đại diện tạm ngừng hoạt động/tiếp tục hoạt động trước thời hạn đã thông báo;

+ Thông báo về việc doanh nghiệp đã giải thể hoặc thông báo về việc chấm dứt tồn tại chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh; trường hợp hoàn trả lại hiện trạng phải có biên bản bàn giao hiện trạng.

- Chi phí giới thiệu, marketing sản phẩm, dịch vụ trước khi bán hàng: Báo cáo về chủ trương đầu tư sản xuất sản phẩm, dịch vụ.

- Chi phí hủy hàng tồn kho hư hỏng, lạc hậu, hết hạn, không còn giá trị sử dụng; hủy nguyên liệu, vật tư, linh kiện không còn nhu cầu sử dụng:

+ Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện;

+ Biên bản kiểm kê giá trị hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện do doanh nghiệp lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án xử lý đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nêu trên do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm;

+ Quyết định thành lập Hội đồng xử lý việc tiêu hủy hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, linh kiện; quyết định xử lý của Hội đồng xử lý;

- Chi phí hủy tài sản hư hỏng, không còn nhu cầu sử dụng: Quyết định của người có thẩm quyền tại doanh nghiệp về việc hủy tài sản; biên bản kiểm kê giá trị tài sản do doanh nghiệp lập, trong đó ghi rõ nguyên nhân hư hỏng, chủng loại, số lượng, giá trị, phương án xử lý tài sản do đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký

và chịu trách nhiệm; quyết định thành lập Hội đồng xử lý việc hủy tài sản; quyết định xử lý của Hội đồng xử lý;

- Chi phí hủy phế liệu, phế phẩm trong quá trình sản xuất: Biên bản xác định việc hủy phế liệu, phế phẩm do doanh nghiệp lập và được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp xác nhận, ký và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

1.4. Chi phí giảm phát thải nhà kính

Lần đầu tiên quy định rõ hồ sơ đối với các khoản chi liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính (Net Zero) và trung hòa các-bon, yêu cầu phải có đề án hoặc dự án cụ thể.

Hồ sơ của khoản chi phí liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính nhằm trung hòa các-bon và net zero, giảm ô nhiễm môi trường, đồng thời liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Quyết định của người có thẩm quyền của doanh nghiệp về việc thực hiện giảm phát thải khí nhà kính;

- Hồ sơ dự án hoặc đề án liên quan đến việc giảm phát thải khí nhà kính.

1.5. Hồ sơ ủy quyền cho nhân viên thanh toán không dùng tiền mặt từ 5 triệu đồng

Hồ sơ đối với khoản chi do doanh nghiệp ủy quyền/giao cho người lao động trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp từ 05 triệu đồng trở lên mà các khoản chi phí này được thanh toán bởi người lao động bằng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, gồm:

- Hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ;

- Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ hoặc quyết định của doanh nghiệp quy định việc ủy quyền hoặc cho phép người lao động được phép thanh toán khoản mua hàng hóa, dịch vụ để phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp;

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người lao động khi mua hàng hóa, dịch vụ theo ủy quyền của doanh nghiệp;

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của doanh nghiệp thanh toán lại cho người lao động.

2. Quy định rõ thời điểm xác định doanh thu tính thuế trong một số trường hợp

Điều 5 Thông tư số 20/2026/TT-BTC bổ sung các quy định mới về thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong một số trường hợp như sau:

2.1. Đối với doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam

- Đối với hàng hóa xuất khẩu là: Ngày chuyển giao quyền sở hữu theo hợp đồng xuất khẩu hàng hóa. Trường hợp hợp đồng xuất khẩu hàng hóa không quy định về thời điểm chuyển giao quyền sở hữu thì thời điểm xác định doanh thu tính thuế thu

nhập doanh nghiệp được căn cứ theo quy định về cơ sở xác định hàng hóa xuất khẩu của pháp luật về hải quan;

- Đối với hoạt động vận tải hàng không: Thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua;

- Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả đóng tàu: Thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành hay phần công việc thực hiện bàn giao, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền;

- Đối với hoạt động cung cấp điện, nước: Ngày xác nhận chỉ số công tơ điện, nước và được ghi trên hóa đơn tính tiền điện, tiền nước.

2.2. Đối với doanh nghiệp nước ngoài

- Đối với hoạt động chuyển nhượng vốn: Thời điểm chuyển quyền sở hữu vốn;

- chuyển nhượng chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi: Thời điểm chuyển nhượng;

- Đối với chuyển nhượng chứng khoán phái sinh là hợp đồng tương lai: Thời điểm khớp lệnh mua, bán hợp đồng tương lai của nhà đầu tư trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán hoặc thời điểm hợp đồng tương lai đáo hạn.

3. Mở rộng và làm rõ nghĩa vụ thuế của Doanh nghiệp nước ngoài

Điều 7 Thông tư số 20/2026/TT-BTC làm rõ nghĩa vụ thuế của Doanh nghiệp nước ngoài, tập trung vào các hoạt động kinh doanh hiện đại chưa được hướng dẫn tại Thông tư 78:

- Thương mại điện tử và nền tảng số: Quy định rõ các doanh nghiệp nước ngoài kinh doanh thương mại điện tử, dựa trên nền tảng số tại Việt Nam (có hoặc không có cơ sở thường trú) đều thuộc đối tượng áp dụng.

- Tái cơ cấu nội bộ tập đoàn: Bổ sung trường hợp không áp dụng thuế đối với giao dịch tái cơ cấu sở hữu trong nội bộ tập đoàn nếu không làm thay đổi công ty mẹ tối cao và không phát sinh thu nhập (với các điều kiện đi kèm về giá trị ghi sổ và kế thừa nghĩa vụ).

- Phương pháp tính thuế: Thuế TNDN được xác định bằng: Doanh thu tính thuế x Tỷ lệ %. Nếu hợp đồng không tách riêng được giá trị các hoạt động thì áp dụng tỷ lệ % cao nhất cho toàn bộ giá trị hợp đồng.

4. Quản lý vốn đầu tư mở rộng và Quỹ KH&CN

So với Thông tư số 78/2014 thì Thông tư số 20/2026/TT-BTC đã bổ sung một số quy định mới về quản lý vốn đầu tư mở rộng và Quỹ khoa học công nghệ (KH&CN) như sau:

Đăng ký vốn dự án mở rộng: Doanh nghiệp phải thông báo bằng văn bản về số vốn đăng ký đầu tư dự án mở rộng cho cơ quan thuế cùng thời điểm nộp Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Khoản 1 Điều 8).

Tài sản từ Quỹ KH&CN: Nếu tài sản cố định hình thành từ Quỹ KH&CN chưa hết hao mòn nhưng chuyển sang phục vụ sản xuất kinh doanh, phần giá trị còn lại phải tính vào thu nhập khác, nhưng đồng thời doanh nghiệp được trích khấu hao phần giá trị này vào chi phí được trừ (Khoản 1 Điều 9).

5. Thay thế và bãi bỏ nhiều văn bản cũ

Thông tư số 20/2026/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 12/3/2026 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2025 theo quy định tại Điều 10.

Thông tư mang tính hệ thống hóa cao khi thay thế hoàn toàn hai Thông tư quan trọng trước đây là Thông tư số 78/2014/TT-BTC và Thông tư số 96/2015/TT-BTC, trong đó:

- Đối với các khoản chi được trừ phát sinh trước khi Thông tư có hiệu lực mà đã được quy định cụ thể về điều kiện, hồ sơ tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC thì tiếp tục thực hiện theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC cho kỳ tính thuế năm 2025.

- Đối với các khoản chi được trừ theo Thông tư này nhưng chưa được quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC, thì hồ sơ áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2025 là hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật; riêng chi phí khấu hao hoặc phân bổ đối với tài sản cho thuê chưa có khách thuê phải có hồ sơ chứng minh quyền sở hữu, quyền sử dụng hợp pháp của doanh nghiệp đối với tài sản;

- Quy định về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển nhượng vốn tại Thông tư này áp dụng từ ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 15/12/2025.

Đồng thời, bãi bỏ nhiều điều khoản về thuế TNDN tại các Thông tư khác để đơn giản hóa thủ tục hành chính và cập nhật phù hợp với thực tiễn. Cụ thể, Thông tư này bãi bỏ các quy định liên quan đến chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp tại:

- Điều 2, Điều 7, Điều 10, Điều 13 (trừ điểm b.11 khoản 1 Điều 13) và Điều 16 Thông tư số 103/2014/TT-BTC hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam;

- Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC, Thông tư số 111/2013/TT-BTC, Thông tư số 219/2013/TT-BTC, Thông tư số 08/2013/TT-BTC, Thông tư số 85/2011/TT-BTC, Thông tư số 39/2014/TT-BTC và Thông tư số 78/2014/TT-BTC để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

- Chương I Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP về việc sửa đổi; bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;

- Điều 5 Thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các Thông tư về thuế;

- Điều 3 Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Thông tư số 111/2013/TT-BTC;

- Điều 2, khoản 5 Điều 3, Điều 4, khoản 3 Điều 5 Thông tư số 67/2022/TT-BTC hướng dẫn về nghĩa vụ thuế khi doanh nghiệp trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;

- Điều 4 Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 118/2015/NĐ- quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Điều 4 Thông tư số 128/2011/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở y tế công lập.

Trên đây là tổng hợp điểm mới Thông tư số 20/2026/TT-BTC về thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế tỉnh Sơn La thông báo để người nộp thuế biết và thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị người nộp thuế liên hệ với Thuế tỉnh Sơn La (Phòng Nghiệp vụ dự toán pháp chế; địa chỉ: số 26, đường Hoàng Quốc Việt, phường Chiềng Cơi, tỉnh Sơn La; số điện thoại: 02123.852228) để được hướng dẫn giải đáp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh;
- Các phòng, Văn phòng;
- Các Thuế cơ sở;
- Đăng tải Website;
- Lưu: VT, NVDTPC.

TRƯỞNG THUẾ TỈNH



Hà Minh Đức